

Thỏa thuận bảo tồn thiên nhiên: Mô hình, thiết kế và triển khai

Trung tâm Con người và Thiên nhiên biên dịch và tổng hợp từ tài liệu của Tổ chức Bảo tồn Quốc tế (Conservation International)¹

Tài liệu này giới thiệu một hướng tiếp cận trong bảo tồn thiên nhiên có sự tham gia của cộng đồng, dựa trên quan điểm về lợi ích của các bên liên quan. Thỏa thuận bảo tồn hiện vẫn đang được thử nghiệm và hoàn thiện chứ chưa hoàn toàn là một phương pháp được xây dựng hoàn chỉnh.

Bản thân nội dung đề cập trong tài liệu này cũng được đúc rút từ các dự án của Tổ chức Bảo tồn Quốc tế ở nhiều nơi trên thế giới. Tuy nhiên, hiện chưa có thông tin về việc thử nghiệm ý tưởng này ở Việt Nam. Vì vậy, tài liệu này chủ yếu mang tính tham khảo cho những người làm bảo tồn thiên nhiên ở nước ta hơn là hướng dẫn, định hướng.

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Thỏa thuận bảo tồn nhằm mục đích gì?

Biến bảo tồn đa dạng sinh học thành lựa chọn khả thi đối với những người sử dụng tài nguyên tại địa phương thông qua những thỏa thuận bảo tồn. Qua đó, các bên tham gia được hưởng những lợi ích rõ ràng - đổi lại, các hệ sinh thái và các loài nguy cấp được bảo tồn hiệu quả hơn.

Cách thức tiến hành

Các bước tiến hành chính được tóm tắt như sau:

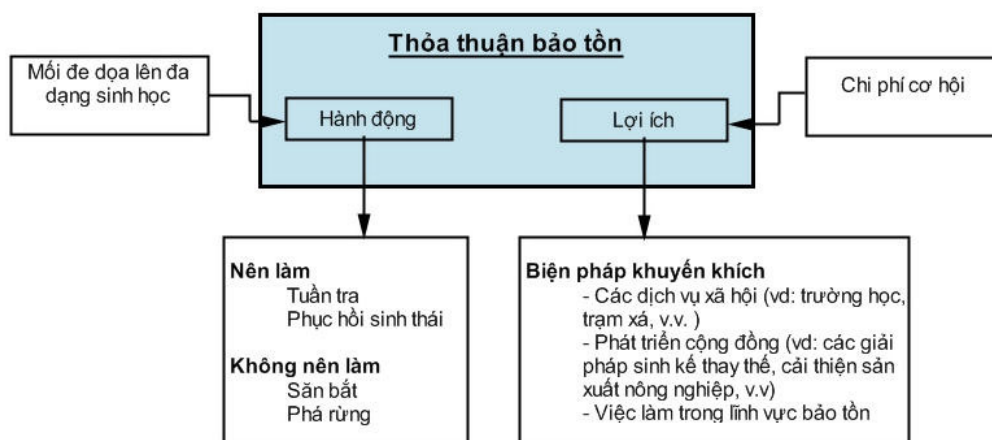
- Chọn địa điểm dựa trên **phân tích khả thi tổng quan** trước khi thiết kế thỏa thuận.
- Bắt đầu quá trình thực hiện bằng cách **xây dựng quan hệ** với những người sở hữu, quản lý tài nguyên có chung mối quan tâm theo cách thức minh bạch và có sự tham gia.
- Dựa trên cơ sở mối quan hệ này để **thiết kế và chính thức hóa thỏa thuận** đáp ứng: a) hai bên cùng có lợi (có lợi cho đa dạng sinh học và cho bên sở hữu/bên quản lý tài nguyên); b) có đi có lại (lợi ích có được là có điều kiện, phụ thuộc vào hiệu quả bảo tồn thiên nhiên).
- Trước khi triển khai, cần **xây dựng dữ liệu ban đầu về kinh tế xã hội và đa dạng sinh học, thiết kế hệ thống giám sát** để theo dõi cả hai khía cạnh này.
- Trong giai đoạn **thực hiện**, thực hiện đúng hạn các cam kết, tạo điều kiện cho những người sở hữu/quản lý tài nguyên thực hiện đầy đủ trách nhiệm của họ.
- Nên xem xét có giai đoạn thử nghiệm ngắn ban đầu để các bên có thể **đánh giá và chỉnh sửa thỏa thuận** nhằm thực hiện lâu dài.
- Một khi đã có được thỏa thuận dài hạn, các bên nên phối hợp để **kêu gọi tài trợ từ những nguồn tiềm năng**.
- Trong suốt quá trình triển khai thỏa thuận, áp dụng các hệ thống **giám sát sinh học và kinh tế xã hội**.
- Trong quá trình thực hiện, có thể tham gia đóng góp nhằm cải tiến mô hình thỏa thuận bằng cách **tham gia vào một mạng lưới học tập quốc tế** của những người cùng thực hiện ý tưởng này.

Tóm tắt phương pháp tiếp cận thỏa thuận bảo tồn

¹ Bản tiếng Anh: *Conservation Agreements: Model, Design and Implementation*. Conservation International. October 2007.

Thỏa thuận bảo tồn cụ thể hóa những hành động bảo tồn mà những người sử dụng tài nguyên cam kết thực hiện và những lợi ích họ có được từ những hành động này:

- Những hành động bảo tồn của người sử dụng tài nguyên cam kết thực hiện được thiết kế nhằm giải quyết các mối đe dọa tới đa dạng sinh học.
- Những lợi ích được cơ cấu để đền bù chi phí cơ hội cho công việc bảo tồn mà người sử dụng tài nguyên thực hiện.
- Ngoài ra, thỏa thuận bảo tồn chi tiết hóa khung giám sát được sử dụng để thẩm tra việc thực hiện những hành động bảo tồn và những hình thức xử lý áp dụng nếu các hành động bảo tồn không được thực hiện.



Chi phí cơ hội của việc tham gia hoạt động bảo tồn phản ánh giá trị mà người sử dụng tài nguyên từ bỏ, không sử dụng tài nguyên cho mục đích kinh tế thông thường. Chi phí cơ hội được tính tương đương với:

- Thu nhập thu được từ việc sử dụng cạn kiệt những nguồn tài nguyên như phá rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ (vd: giá trị của hoa màu và gỗ thu được khi không có các hoạt động bảo tồn)
- Chi phí phải trả từ việc sử dụng tài nguyên không bền vững (giảm chất lượng nước, xói mòn đất, mất mát các tài nguyên có giá trị về mặt văn hóa)

Chi phí cơ hội được tính là kết quả thu nhập dự tính từ việc sử dụng tài nguyên trừ đi tổng những chi phí môi trường có thể tránh được. Trong một số trường hợp, những người sử dụng tài nguyên không nhận ra được những chi phí môi trường từ việc sử dụng tài nguyên. Do đó, đôi khi dẫn đến sự khác biệt trong cách hiểu giữa chi phí cơ hội thực tế và chi phí cơ hội theo cảm tính. Vì vậy, trong quá trình thương lượng và đàm phán, các nhà đầu tư cho bảo tồn có thể tăng cường hiểu biết cho những người sở hữu tài nguyên về chi phí môi trường nhằm giảm thiểu sự khác biệt trong cách tính chi phí cơ hội. Trong bất kỳ trường hợp nào, để đảm bảo thỏa thuận thành công thì những lợi ích phải bù đắp được chi phí cơ hội mà người sở hữu tài nguyên phải từ bỏ.

II. PHƯƠNG PHÁP TRIỂN KHAI

2.1. Giai đoạn 1: Lựa chọn địa điểm và phân tích khả thi

Bước 1a: Đánh giá nhanh cơ bản

Khi xem xét một địa điểm có phù hợp để thực hiện thỏa thuận bảo tồn hay không, hãy cân nhắc năm yếu tố sau nhằm quyết định có cần tiến hành phân tích khả thi chuyên sâu hơn nữa hay không (bước 1b dưới đây). Những tiêu chí này sẽ giúp chuẩn bị đề xuất ban đầu cho nhà tài trợ hoặc những người ra quyết định. Các dự án chỉ được tiến hành nếu như:

1. Dự án sẽ đạt được những kết quả bảo tồn có giá trị và có thể tính toán (như: số loài được bảo vệ, diện tích được bảo vệ, diện tích được kết nối, v.v.).
2. Bên thực hiện dự án có đủ khả năng và thời gian để thiết kế và triển khai dự án. Bên thực hiện phải có năng lực tiến hành các hoạt động thương lượng, đàm phán và những hành động tiếp theo ở hiện trường sau khi thỏa thuận được ký kết; hỗ trợ toàn bộ quá trình bằng các kỹ năng chuyên môn như quản lý tài chính, giám sát, gây quỹ, v.v.. Bên thực hiện có thể không có đủ những chuyên môn cần thiết nhưng có thể cộng tác với các bên khác (xem Hộp 1).
3. Có bên sở hữu hoặc sử dụng tài nguyên tại địa phương đóng vai trò đối tác chính trong thỏa thuận (chẳng hạn như một hoặc nhiều tổ chức quan tâm tới kết quả của việc bảo tồn thiên nhiên)
4. Những hoạt động để đạt được kết quả bảo tồn có thể do bên đối tác thực hiện hoặc thỏa thuận có thể thúc đẩy bên đối tác thực hiện những hành động này.
5. Địa điểm thực hiện có một số đặc điểm thú vị khác:
 - Địa điểm chọn đáp ứng cao những tiêu chí về tính khả thi (như mô tả dưới đây).
 - Dự án tạo ra cơ hội học hỏi có giá trị đối với các mô hình tiềm năng sau này (kiểu đối tác, nguồn tài chính, cơ chế luật pháp mới)
 - Địa điểm hấp dẫn và dễ dàng được tài trợ hoặc đã xác định được bên tài trợ.

Hộp 1: Thành phần nhóm tham gia

Có rất ít tổ chức có đầy đủ khả năng cần thiết để tự mình tiến hành các bước trên đối với một mô hình. Tuy nhiên, một tổ chức triển khai hiệu quả phải là tổ chức có khả năng cộng tác và tìm kiếm được hỗ trợ cần thiết cho những giai đoạn khác nhau của mô hình. Một phần quan trọng của tổ chức triển khai luôn phải giữ ổn định chính là **bộ phận thương lượng**. Bộ phận thương lượng là một cá nhân hay một nhóm người có nhiệm vụ thiết lập, xây dựng và duy trì mối quan hệ với những người sử dụng tài nguyên. Những người sử dụng tài nguyên xem bộ phận này là bộ mặt của dự án và họ hàng ngày phải tiến hành các hoạt động trong thỏa thuận. Cần giữ bộ phận thương lượng ổn định để có thể tăng cường mối quan hệ với những người sử dụng tài nguyên.

Bước 1b: Phân tích khả thi

Đối với những dự án đã qua đánh giá nhanh cơ bản thì cần phải có phân tích khả thi một cách chính thức. Rất nhiều những thông tin cần thiết cho phân tích này đã được những người thực hiện và các đối tác tiềm năng biết tới nhưng vẫn cần thêm những nghiên cứu khác. Nếu như công việc hiện trường đòi hỏi có thương lượng với các đối tác tiềm năng thì rất cần thiết tránh làm tăng những kỳ vọng của họ về dự án trước khi giai đoạn 2 (thương lượng) và giai đoạn 3 (xác định thỏa thuận) hoàn thành. Những tiêu chí cơ bản cần được xem xét trong phân tích khả thi gồm:

1. Ưu tiên sinh học: Địa điểm quan trọng như thế nào? Đây là bước chi tiết hóa những kết quả bảo tồn được xác định ở Bước 1a. Nếu những thông tin minh họa ưu thế của địa điểm không đủ thì cần phải có thêm những đánh giá sinh học khác trong quá trình phân tích khả thi để xác định ưu tiên và đề ra mục tiêu cho những hành động bảo tồn. Khi tiến hành các đánh giá này, cần lưu ý yêu cầu xây dựng dữ liệu sinh học cơ sở phục vụ công tác giám sát trong tương lai.

2. Những đe dọa tới đa dạng sinh học: Xác định đâu là những đe dọa chính và những khó khăn trong giải quyết những mối đe dọa này. Cần những hành động bảo tồn nào để có thể giảm nhẹ hoặc loại trừ những mối đe dọa này?
3. Năng lực người sử dụng tài nguyên cần phải có để trở thành đối tác bảo tồn hiệu quả:
 - Mức độ quan tâm đến việc thương lượng bản thỏa thuận
 - Hứng thú với công tác bảo tồn.
 - Truyền thống (yếu tố văn hóa và tôn giáo) về quản lý tài nguyên.
 - Tính hiệu quả của cơ cấu ra quyết định
 - Năng lực thực thi quyền
 - Năng lực thực hiện các hành động bảo tồn (chi phí cần có để xây dựng những năng lực này nếu thiếu)
4. Quyền về tài nguyên: Liệu đối tác dự kiến có quyền hợp pháp cần thiết để đạt được mục tiêu bảo tồn? Nếu không, có thể có được những quyền này không? Hoặc trường hợp thực tế có lợi cho thỏa thuận? Những quyền về tài nguyên tương đối phức tạp nhưng lại đặc biệt quan trọng trong từng hoàn cảnh cụ thể. Sử dụng phần trên như những câu hỏi hướng dẫn nhưng phải nghĩ tới những vấn đề phát sinh có liên quan tới vấn đề quyền tại địa điểm lựa chọn.
5. Bối cảnh luật pháp: Hệ thống luật pháp bảo vệ hiện có mạnh như thế nào? Liệu những luật hiện hành có giúp đạt được những mục tiêu bảo vệ? Liệu những luật về sở hữu và về người sử dụng tài nguyên có khả năng thực thi? Liệu những luật lệ chông chéo có mâu thuẫn với những mục tiêu đa dạng sinh học (ví dụ như luật về khoáng sản dưới bề mặt)? Liệu những quy định của luật có đáng tin (hệ thống tòa án làm việc có hiệu quả hay không)? Mối quan hệ giữa hệ thống luật pháp chính thức và không chính thức? Trên đây là những câu hỏi quan trọng có liên quan tới luật pháp. Tuy nhiên, tùy vào địa điểm được chọn mà có thể thêm vào những câu hỏi có liên quan tới luật khác.
6. Bối cảnh chính sách: Các chính sách thuận lợi (vd: hỗ trợ của Chính phủ về quyền sử dụng đất của người bản địa) và các chính sách không thuận lợi (chính sách cho phép khai thác dầu mỏ và khoáng sản) có thể tác động lên dự án như thế nào?
7. Năng lực của tổ chức thực hiện: Tổ chức thực hiện có năng lực như thế nào?
 - Có những mối quan hệ tốt với cộng đồng hoặc có thành tích trong xây dựng quan hệ tại những nơi khác.
 - Năng lực thực hiện các hành động (vd: thương lượng với cộng đồng, tái trồng rừng, quản lý các loài hoang dã, tiến hành hoạt động tuần tra, v.v.)
 - Trong trường hợp cần thêm các bên tham gia khác để triển khai các lợi ích phát triển, cần phải đánh giá về sự sẵn sàng và năng lực của họ.
8. Phân tích các bên liên quan và mâu thuẫn: Những ai cần phải thương lượng? Những mâu thuẫn hiện tại hoặc tiềm tàng cần phải giải quyết và kiểm soát? Dưới đây là những bước gợi ý để có thể thực hiện phân tích các bên liên quan và mâu thuẫn:
 - Tổ chức một cuộc họp hoặc hội thảo nhỏ với các đối tác thân thiết (những người thực hiện, các đối tác, đại diện cộng đồng và cán bộ chính quyền nếu có thể). Cuộc họp này không nên kéo dài quá một ngày và có sự tham gia của khoảng 10 tới 12 người. Những kết quả cần đạt được của cuộc họp là:
 - Danh sách các nhân tố chính liên quan tới địa điểm tiến hành.
 - Vẽ "bản đồ" mối quan hệ giữa các nhân tố này
 - Vẽ "bản đồ" những mâu thuẫn giữa các nhân tố.

Các công cụ đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia hiện nay có thể sử dụng được cho cuộc họp này. Khi xác định những bên quyết định chính thức, cũng nên xác định những quá trình và những lãnh đạo không chính thức và đưa họ vào bản đồ "quan hệ và mâu thuẫn" là điều cũng rất quan trọng. Trong một số trường hợp, nên có những cuộc họp riêng tiếp theo với cán bộ chính quyền và các đại diện cộng đồng, đặc biệt trong hoàn cảnh có mâu thuẫn và/hoặc xuất hiện các hệ thống ra quyết định không chính thức.

- Quá trình lập bản đồ mâu thuẫn sẽ tạo ra một danh sách những mâu thuẫn có thể nảy sinh. Mỗi mâu thuẫn đó phải được đánh giá và có hướng giải quyết, kiểm soát, xem xét đến những yếu tố cần thiết để giải quyết mâu thuẫn (những cách giải quyết truyền thống không chính thức so với những cách tiếp cận chính thức). Trong một số trường hợp, những mâu thuẫn này có thể khó giải quyết và dẫn đến thỏa thuận khó có thể khả thi. Kết quả chính của quá trình này là một văn bản ngắn miêu tả những mâu thuẫn phát hiện được và những chiến lược để giải quyết.
- Cuối cùng, thông tin này sẽ cung cấp một bức tranh rõ ràng hơn về những bên tham gia và những mâu thuẫn cần phải giải quyết và kiểm soát. Kết quả của quá trình này chính là chiến lược xác định cách làm việc với những bên tham gia khác nhau.

9. Chi phí dự án: Đây là những chi phí ước tính của dự án và làm thế nào để đáp ứng được những chi phí đó. Dự toán chi phí cần bao gồm :

- Giai đoạn thiết kế: Chi phí thiết kế thỏa thuận (vd: hội thảo, đi lại, tài liệu các cuộc họp, những nghiên cứu bổ sung trong giai đoạn thương lượng và thiết kế)
- Giai đoạn triển khai:
 - Chi phí quản lý:
 - Bảo vệ/Thi hành luật (vd: phân tuyến, tuần tra)
 - Các hoạt động bảo tồn (vd: tái trồng rừng, phân vùng)
 - Giám sát sinh học và kinh tế- xã hội
 - Những lợi ích cho cộng đồng
 - Chi trả cho các hoạt động quản lý (vd: tiền công)
 - Bồi thường chi phí cơ hội (vd: giá trị gỗ không khai thác)
- Chi phí hỗ trợ kỹ thuật lâu dài
- Chi phí hoạt động gây quỹ để đảm bảo tài chính lâu dài

10. Những lựa chọn tài chính: Đây là nguồn tiềm năng để đảm bảo hỗ trợ tài chính cho việc thiết kế và triển khai các hoạt động cũng như khả năng tài chính lâu dài? Những khả năng bao gồm các thể chế song phương và đa phương, nhóm hay cá nhân tài trợ, các quỹ tài trợ, tiền chi trả cho các dịch vụ sinh thái, v.v.

Kết quả chính của phân tích khả thi là một bản báo cáo chi tiết dựa trên bảng sau, với độ dài từ 5 đến 20 trang cùng các bản đồ kèm theo. Báo cáo phân tích khả thi nên có bản đồ địa bàn được chọn để triển khai dự án với các chi tiết như tình hình sử dụng đất, vị trí các mối đe dọa, các mâu thuẫn, xung đột (xem hộp 2). Báo cáo và bảng tóm tắt sẽ giúp quyết định mức độ khả thi của dự án. Không có dự án nào hội đủ toàn bộ các yếu tố thuận lợi. Tuy nhiên, cũng không nên xem một tiêu chí nhất định nào là mang tính quyết định. Thay vào đó, việc quyết định nên dựa vào cân nhắc giữa các yếu tố đặt trong bối cảnh các lựa chọn cạnh tranh khác nhau (về mặt các địa bàn cũng như phương pháp tiếp cận). Qua đó sẽ đi đến quyết định cuối cùng về mức độ khả thi của một bản thỏa thuận bảo tồn trong một bối cảnh cụ thể. Nếu báo cáo đánh giá đi đến kết luận sẽ triển khai dự án, tổ chức thực hiện cần được lựa chọn để chuẩn bị kế

hoạch triển khai – bao gồm danh sách các hoạt động và khung thời gian cho Giai đoạn 2 và Giai đoạn 3, ngân sách và kế hoạch tài chính hỗ trợ cho việc thực hiện.

Bước	Kết quả	Thuận lợi	Không thuận lợi
Ưu tiên sinh học			
Mối đe dọa đến ĐDSH			
Năng lực của người sử dụng tài nguyên với tư cách là đối tác bảo tồn			
Quyền về tài nguyên			
Bối cảnh pháp luật			
Bối cảnh chính sách			
Năng lực của bên thực hiện			
Các bên liên quan và phân tích mâu thuẫn			
Chi phí dự án			
Cơ hội tài chính			

Để hoàn thành bảng này, hãy theo các gợi ý sau:

Kết quả: Tóm tắt kết quả phân tích khả thi với từng tiêu chí. Mục đích nhằm có được bản tham khảo nhanh về những gì nghiên cứu được (vd: với ưu tiên sinh học là thấp hay cao hay trung bình; với quyền về tài nguyên là sở hữu tư nhân, quyền cộng đồng, hay tự do sử dụng; với các bên liên quan và phân tích mâu thuẫn, liệt kê các nhân tố chính và mâu thuẫn được xác định).

Thuận lợi hay Không thuận lợi: Đánh dấu kết quả là thuận lợi hay không đối với việc thúc đẩy triển khai thỏa thuận bảo tồn.

Như đã nêu ở trên, quyết định có tiếp tục đi đến bước thiết kế thỏa thuận hay không sẽ phụ thuộc vào việc cân đối tất cả các yếu tố trong bảng và không nhất thiết phải dựa vào một tiêu chí riêng nào. Vào cuối giai đoạn nghiên cứu khả thi, các thông số và dữ liệu sẽ giúp đi đến quyết định về việc có nên triển khai thiết kế thỏa thuận bảo tồn hay là dừng lại.

Hộp 2: Bản đồ phân tích khả thi

Đây là bản thảo bản đồ của bản thỏa thuận tại Dongma ở Tây Nam Trung Quốc. Bản đồ này mô tả các khu vực dân cư, xác định các nhóm và hộ gia đình hiện tại, khu vực còn rừng và hệ thống đường sá.



2.2. Giai đoạn 2: Thương lượng

Trong giai đoạn thương lượng, tổ chức thực hiện trình bày ý tưởng bản thỏa thuận bảo tồn với bên sử dụng tài nguyên (đối tác tiềm năng), đưa ra các quy tắc cơ bản để thiết kế và đàm phán nội dung thỏa thuận. Mục đích của giai đoạn này là nhằm trình bày rõ thỏa thuận là gì, cơ chế hoạt động ra sao và đi đến quyết định chung để tiếp tục hình thành các điều khoản thỏa thuận cụ thể. Các bước thương lượng liệt kê dưới đây chủ yếu được sắp xếp theo trình tự thời gian mặc dù có bước đã làm hoặc để hoàn thành nếu tổ chức thực hiện và bên sử dụng tài nguyên đã từng làm việc cùng nhau trong các hoạt động khác.

Bước 2a: Chọn nhóm thương lượng

Từ phân tích khả thi có thể xác định được bên tham gia thực hiện và trao đổi với phía sử dụng tài nguyên trong dự án. Bên thực hiện lý tưởng nhất là tổ chức đã có sẵn mối quan hệ với bên sử dụng tài nguyên, hoặc có năng lực để xây dựng mối quan hệ này. Nhóm làm việc phải có hiểu biết tốt về cơ cấu hành chính và các hệ thống ra quyết định không chính thức của bên sử dụng tài nguyên. Lưu ý là nên cố gắng có được nhóm làm việc ổn định trong suốt thời gian thực hiện dự án.

Bước 2b: Phát triển kế hoạch thương lượng

Sau khi đã có nhóm thương lượng, cần có một bản kế hoạch sơ thảo (từ 1 – 5 trang), bao gồm các nội dung sau:

- Diễn giải một cách dễ hiểu các kết quả bảo tồn dự kiến đạt được
- Các biện pháp bảo tồn đề xuất ban đầu để có thể hoàn chỉnh trong bước thương lượng và thiết kế

- Khung thời gian, số lượng và lịch trình các cuộc họp cần có để trình bày ý tưởng nội dung bản thỏa thuận
- Các đối tượng cần gặp gỡ và trao đổi (có thể là nhóm lãnh đạo hoặc toàn bộ cộng đồng người dân)
- Các hệ thống liên lạc chính thức và không chính thức để trao đổi thông tin
- Các tài liệu cần có để trình bày ý tưởng bản thỏa thuận (bản đồ, hình ảnh, ...)

Bước 2c: Trao đổi ý tưởng với đối tác dự kiến

Bên thực hiện dự án giới thiệu về mình, mục tiêu bảo tồn mong muốn đạt được, và những ý tưởng ban đầu về cơ chế thực hiện thỏa thuận. Nên cố gắng trình bày một cách đơn giản, dễ hiểu để những người tham gia nắm được ý tưởng chung. Trong bước này, cũng nên tìm hiểu mục tiêu, hoạt động, các mối quan tâm và ý kiến của đối tác về ý tưởng bản thỏa thuận.

Bước 2d: Xác minh hiểu biết chung về khái niệm thỏa thuận bảo tồn

Trước khi tiếp tục các bước tiếp theo, nhóm thương lượng cần đảm bảo phía đối tác đã thông hiểu các vấn đề liên quan đến nội dung bản thỏa thuận. Họ phải nắm được mục đích, ý nghĩa và trách nhiệm khi tham gia ký kết thỏa thuận bảo tồn thiên nhiên.

Bước 2e: Hai bên quyết định tiếp tục

Khi phía thực hiện dự án đã trình bày ý tưởng, phía đối tác cũng cần có thời gian để trao đổi và thảo luận nội bộ trước khi đi đến quyết định tham gia. Bên thực hiện dự án cần đảm bảo quyết định phía đối tác đưa ra đã được sự đồng thuận của đông đảo người sử dụng tài nguyên. Đồng thời, bên thực hiện dự án cũng cần đưa ra quyết định có nên tiếp tục hay không. Sau đó, hai bên cần thống nhất quy trình thực hiện, bao gồm khung thời gian, các bước, các nhóm đàm phán, vai trò, nhiệm vụ, v.v. Sản phẩm cần có là một văn bản ghi rõ cam kết của mỗi bên tham gia vào quá trình xây dựng bản thỏa thuận bảo tồn theo lộ trình nhất định. Đây chưa phải là cam kết về các mục tiêu bảo tồn hay hoạt động cụ thể. Nội dung chi tiết của bản thỏa thuận bảo tồn sẽ được xây dựng ở các bước sau nữa.

Bước 2f: Thăm hiện trường

Trong quá trình thương lượng, phía thực hiện có thể thu xếp một số chuyến thăm hiện trường để xem xét các tác động tiêu cực và hiện trạng phá hủy tài nguyên hoặc những lợi ích của việc thực hiện thỏa thuận bảo tồn tại các dự án thành công.

Quá trình thương lượng thành công cần đạt được các kết quả sau:

- Ý tưởng rõ ràng về đối tác hợp lý nhất có thể đại diện cho những người sử dụng tài nguyên trong việc ký kết thỏa thuận
- Văn bản cam kết cùng tham gia xây dựng thỏa thuận bảo tồn
- Hình dung rõ ràng về nội dung bản thỏa thuận (các kết quả bảo tồn và lợi ích)
- Ước tính chi phí để hoàn thành ký kết bản thỏa thuận
- Nếu nguồn tài trợ dự án chưa có, cần phải có kế hoạch để tìm kiếm

Hộp 3: Trình bày ý tưởng bản thỏa thuận bảo tồn

Dưới đây là ví dụ về quá trình trình bày ý tưởng thỏa thuận bảo tồn với cộng đồng địa phương dựa trên kinh nghiệm ở Quần đảo Solomon.

1. Giới thiệu

a. Đây là ý tưởng mới với khu bảo tồn. Ý tưởng này dựa trên một thỏa thuận chính thức giữa cộng đồng và những người đầu tư cho bảo tồn thiên nhiên có mong muốn giữ gìn sự nguyên vẹn của rừng và cuộc sống người dân sống trong rừng. Đây được gọi là “thỏa thuận bảo tồn”.

b. Hình thức thỏa thuận này dựa vào cam kết của cộng đồng để giữ gìn sự nguyên vẹn của rừng.

c. Việc quyết định có cùng làm việc với nhau để xây dựng bản thỏa thuận này hay không tùy thuộc hoàn toàn vào cộng đồng. Tuy nhiên, chúng tôi mong muốn được làm việc cùng với những cộng đồng có mối quan tâm nghiêm túc và có khả năng đoàn kết và tổ chức bảo vệ đất đai truyền thống lâu dài.

d. Chúng tôi biết rằng gần đây đã có nhiều thay đổi đối với người dân ở Quần đảo Solomon như nhu cầu giáo dục, các dịch vụ y tế hiện đại. Các dịch vụ này cần phải có tiền để chi trả. Trước đây, chỉ có các chủ khai thác gỗ có tiền chi cho các dịch vụ này.

e. Ý tưởng này sẽ giúp những cộng đồng quan tâm có tiền chi trả cho các dịch vụ giáo dục và y tế nhưng vẫn giữ được rừng. Xin nhắc lại, ý tưởng này là một bản thỏa thuận chính thức để giữ rừng. Cộng đồng sẽ được hưởng lợi từ rừng và cả từ những hỗ trợ của chúng tôi cho các hoạt động phát triển cộng đồng.

2. Ý tưởng và lợi ích từ khu bảo tồn

a. Việc giữ lại những khu rừng nguyên sinh tạo ra nhiều giá trị, ví dụ như giúp bảo vệ những loài động vật hoang dã, nguồn nước và các vật liệu xây dựng. Những giá trị này sẽ được đảm bảo bởi thỏa thuận bảo tồn và có thể để lại cho các thế hệ con cháu trong tương lai.

b. Ngoài những lợi ích trên, trong thỏa thuận bảo tồn, nếu cộng đồng cam kết và giữ gìn khu bảo tồn, cộng đồng sẽ nhận được những lợi ích từ chúng tôi. Những lợi ích này cần phải bàn bạc cụ thể nhưng có thể bao gồm:

- Học bổng trả tiền học phí và các nhu cầu học tập khác
- Hỗ trợ thành viên gia đình chi trả các dịch vụ y tế
- Bảo vệ đất đai tránh khỏi các đối tượng khai thác gỗ
- Tạo lập quan hệ với chúng tôi, người dân có thể kết nối những ý tưởng phát triển của mình tới các nhà tài trợ hoặc các tổ chức phi chính phủ chuyên làm các dự án phát triển.

c. Cộng đồng luôn được giữ quyền sử dụng đất của mình.

d. Với sự giúp đỡ của chúng tôi, cộng đồng thiết kế khu vực cần bảo tồn và hợp tác với chúng tôi để gây quỹ cho các hoạt động.

3. Những đặc điểm khiến khu bảo tồn là nơi thích hợp nhất để tiến hành các hoạt động bảo tồn và thu hút các nhà tài trợ:

a. Bởi vì cơ chế này là xây dựng quan hệ đối tác để gây quỹ hỗ trợ cho thỏa thuận bảo tồn, vùng bảo tồn nào càng hấp dẫn thì càng có thể lôi kéo được nhiều nguồn tài chính bền vững trong thời gian dài. Chúng tôi nghĩ rằng nếu cộng đồng cam kết mạnh mẽ trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên tại Solomon, việc tìm kiếm tài trợ cho thỏa thuận không phải là chuyện ngoài tầm tay (Rõ ràng khi chúng ta mang một món đồ ra chợ, chất lượng của nó càng cao thì nó càng có cơ hội bán được giá). Những đặc điểm thu hút là:

- Không có xung đột về sở hữu đất đai. Khu vực bảo tồn nên có ranh giới rõ ràng và có thể được chính quyền công nhận là hoàn toàn thuộc sở hữu của những cộng đồng.
- Khu vực đủ rộng, giàu có về hệ động thực vật và càng nguyên sơ càng tốt. Chúng tôi có thể giúp cộng đồng lựa chọn nơi thích hợp nhất.
- Dù rằng việc thiết kế một khu vực thích hợp là quan trọng nhưng cơ chế hoạt động chính ở đây lại là cam kết bảo vệ khu bảo tồn của cộng đồng. Chúng tôi sẽ giúp cộng đồng thực hiện các hoạt động bảo vệ rừng thông qua thỏa thuận nhưng nếu cộng đồng

không bảo vệ một cách thực sự, chúng tôi sẽ buộc phải cắt hỗ trợ. Do đó, cộng đồng cần vạch ra những hoạt động có kế hoạch hoặc có khả năng tiến hành được. Chẳng hạn, không nên lập kế hoạch bảo vệ cho khu vực mà đã có thành viên trong cộng đồng sắp khai thác gỗ trong thời gian 5 năm tới.

b. Chúng ta có thể thử xây dựng bản đồ trong bước này nếu thấy phù hợp. Nếu không, chúng ta có thể làm ở các cuộc họp sau.

c. Chú ý: Chúng tôi thấy rằng nên để lại một tờ giấy lớn ghi những điểm quan trọng trên đó để người dân có thể bàn bạc, thiết kế thêm trong thời gian giữa các chuyến thăm.

4. Cơ chế thỏa thuận bảo tồn chính xác là gì và nó hoạt động như thế nào?

a. Cộng đồng và chúng tôi thiết kế và xác định rõ khu vực bảo tồn, những luật lệ cũng như cách thức quản lý. Chúng tôi sẽ giúp họ thu hút những nguồn tài trợ, giải quyết mâu thuẫn, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật khi cộng đồng cần. Cộng đồng có thể quyết định mức độ cộng tác tới đâu nhưng nếu khu vực này không hấp dẫn thì sẽ khó có thể thu hút được nguồn tài chính. Vì vậy, cộng đồng sẽ thấy hữu ích hơn nếu làm việc cùng chúng tôi.

b. Đồng ý với chúng tôi về những lợi ích - dựa trên những đặc điểm của khu vực mà người dân muốn dành cho công tác bảo tồn. Thỏa thuận bảo tồn phải hấp dẫn đối với nhà tài trợ về mặt địa điểm, cam kết của cộng đồng và chi phí. Lưu ý rằng ở một số nơi có thể so sánh thị trường. Rất nhiều cộng đồng đang tìm kiếm cơ hội như cơ chế này, cũng giống như mỗi một người trong chúng ta mang tới chợ một con cá, một cái áo hay bất cứ thứ gì có thể bán được. Người ta sẽ chỉ mua thứ có chất lượng tốt nhất mà giá lại rẻ nhất.

c. Chúng tôi và cộng đồng thiết kế một thỏa thuận rõ ràng, bao gồm những thông số như diện tích, lợi ích, luật lệ và cam kết.

d. Ở giai đoạn thử nghiệm, chúng tôi sẽ ký cam kết với thời hạn từ 1 tới 2 năm và xem xét xem liệu khi chúng ta có thích thỏa thuận này không. Từ đó sẽ đánh giá được chúng ta có thực hiện nghiêm chỉnh hay không. Sẽ không có thỏa thuận lâu dài cho cả hai bên trong thời gian thiết kế hay năm đầu triển khai dự án. Sau đó nếu cả hai bên đều vui vẻ, thỏa thuận lại thu hút được nhà tài trợ, chúng ta sẽ tiến hành ký kết thỏa thuận lâu dài.

5. Các bước tiếp theo:

a. Cuộc họp này có mục đích để giới thiệu và thảo luận ý tưởng. Chú ý: ở một số nơi, việc sắp xếp lịch hẹn tiếp theo hay bất cứ cái gì thu hút sự chú ý của cộng đồng được chứng minh là có hiệu quả. Cũng nên nhắc lại là cộng đồng có toàn quyền sở hữu đất đai của họ.

b. Lên kế hoạch cho cuộc họp tiếp theo nếu như cộng đồng mong muốn và dựa vào diễn biến của cuộc họp thứ nhất. Nếu như họ muốn có thời gian suy nghĩ, chúng ta quay lại sau một thời gian. Khi đó, họ sẽ đưa ra câu trả lời chính thức. Nếu như họ đồng ý ngay bây giờ, họ có thể quyết định địa điểm bảo tồn trong lúc chờ lần họp tiếp theo.

c. Chú ý: Chúng tôi thấy nên nhấn mạnh rằng tại thời điểm này không có bất buộc cam kết trách nhiệm nào cả. Tuy nhiên, nếu cộng đồng quan tâm, chúng ta có thể giúp tìm ra được địa điểm tiến hành bảo tồn và tạo ra những lợi ích thực sự cho họ và cho cả các thế hệ tương lai.

2.3. Giai đoạn 3: Thiết kế thỏa thuận

Một khi cả hai bên đều đồng ý hợp tác cùng nhau, những hoạt động để thiết kế thỏa thuận thực sự bắt đầu. Những bước dưới đây mô tả các thành phần quan trọng của một bản thỏa thuận bảo tồn cũng như một số đánh giá có thể hữu ích khi bước thiết kế thỏa thuận bắt đầu. Cả hai bên đều có quyền tự do rút khỏi quá trình thiết kế thỏa thuận tại bất cứ thời điểm nào nếu cảm thấy không thể đàm phán cho một thỏa thuận phù hợp.

Bước 3a: Những thành phần của một thỏa thuận:

Tất cả các thỏa thuận nên bao gồm những thành phần cơ bản như dưới đây do hai bên cùng nhau thành lập thông qua quá trình đàm phán có sự tham gia.

1. Cam kết bảo tồn thiên nhiên

Phần này xác định rõ những kết quả bảo tồn mong muốn đạt được và những hành động mà hai bên cam kết thực hiện để đạt được kết quả đó. Đánh giá sinh học và những đánh giá khác có thể cần thiết cho việc xác định những mục tiêu và chiến lược bảo tồn cụ thể cũng như những số liệu cơ bản phục vụ công tác giám sát. Phần này bao gồm các mục sau:

- Kết quả bảo tồn mong muốn đạt được (Chẳng hạn như loài nào sẽ được bảo vệ. Nếu kết quả là một khu bảo tồn thì diện tích, địa điểm, hiện trạng pháp lý như thế nào?)
- Hành động của những người sử dụng tài nguyên (Ví dụ: Thành lập khu bảo tồn cộng đồng, không săn bắn một loài cụ thể, dừng những việc làm phá hủy môi trường, không khuyến khích những hành động phá rừng)
- Hành động của những người thực hiện dự án (Ví dụ: Nâng cao năng lực, giúp đảm bảo những quyền sử dụng đất, hỗ trợ việc thi hành pháp luật)

2. Những lợi ích mà người sử dụng tài nguyên nhận được

Việc xác định những lợi ích phù hợp trong một bối cảnh cụ thể có thể là đơn giản hoặc rất phức tạp. Thông thường cần có nhiều thảo luận để tìm ra mẫu số chung giữa những mong muốn của người dân và những gì chúng ta có thể đáp ứng. Các vấn đề chính khi bàn đến lợi ích bao gồm:

- Giá trị của lợi ích tổng thể (Bao nhiêu là phù hợp và có thể đáp ứng được).
- Các hình thức lợi ích (Cơ sở hạ tầng, dịch vụ, chi trả trực tiếp, doanh nghiệp, ...).
- Nếu cần, phải có hệ thống ra quyết định lựa chọn nguồn đầu tư (nghĩa là lợi ích được trả trực tiếp vào một quỹ của cộng đồng).
- Cơ chế phân chia lợi ích: Xác định một cơ chế với đối tác, theo đó lợi ích được đưa đến cho người thụ hưởng một cách minh bạch.
- Tàn suất cung cấp lợi ích. Tham khảo hộp 4.

3. Giám sát việc tuân thủ thỏa thuận

Thành công của một thỏa thuận bảo tồn phụ thuộc vào khung giám sát tin cậy nhằm kiểm tra việc tuân thủ cam kết và là cơ sở để xác định hình thức xử phạt nếu xảy ra trường hợp không tuân thủ. Những yếu tố cần phải giám sát là:

- Việc tuân thủ cam kết (Ví dụ: không chặt phá rừng, không săn bắn, không khai thác khoáng sản trái phép. Các hành động tôn trọng cam kết bảo tồn như đi tuần tra, giữ nguyên biên giới).
- Hiệu quả và mức độ công bằng của việc quản lý lợi ích (Ví dụ: tỉ lệ những người sử dụng tài nguyên nhận được lợi ích, mức độ giải trình những nguồn quỹ đã sử dụng).
- Nhận thức, hiểu biết, mức độ bằng lòng với thỏa thuận bảo tồn.

Bên cạnh giám sát việc tuân thủ thỏa thuận, bên thực hiện dự án cũng cần thực hiện giám sát các mục tiêu đa dạng sinh học và điều kiện kinh tế - xã hội.

4. Hình thức xử lý trong trường hợp không đáp ứng cam kết

Lợi ích được cung cấp với điều kiện đối tác đáp ứng các cam kết được xác định trong thỏa thuận. Các hình thức xử lý (điều chỉnh lợi ích) đối với những trường hợp không tuân thủ cam kết phải được tất cả các bên cùng nhau xây dựng để đảm bảo rằng họ hiểu, thấy rõ và phù hợp với văn hóa của đối tác.

- Thủ tục xác định sự vi phạm thỏa thuận
- Những hình thức xử phạt đối với các hành vi vi phạm thỏa thuận Hệ thống hình thức xử phạt phải theo hướng lũy tiến, theo đó vi phạm càng nhiều, càng nghiêm trọng thì các hình phạt càng mạnh.

Cam kết bảo tồn, lợi ích, hình thức xử lý và những điều khoản giám sát là các thành tố cấu thành một thỏa thuận bảo tồn. Những điều khoản chuẩn mực khác cho bất kỳ một thỏa thuận nào đều sẽ phải bao gồm định nghĩa rõ ràng về các bên tham gia, thời gian của thỏa thuận, những thủ tục giải quyết tranh chấp... Khi thiết kế và soạn thảo thỏa thuận, nên tham vấn các chuyên gia về luật để đảm bảo thỏa thuận phù hợp với luật pháp địa phương và sự kỳ vọng của các nhà tài trợ.

Hộp 4: Danh sách những lợi ích trong thỏa thuận do CI và các đối tác ký kết

Giáo dục:

- Trả lương hoặc hỗ trợ tiền lương cho giáo viên tại trường học địa phương
- Hỗ trợ nâng cấp cơ sở vật chất trường học và các di sản văn hóa công cộng
- Học bổng cho thanh niên

Dịch vụ khuyến nông và thú y

- Hợp đồng với một tổ chức phi chính phủ địa phương trong vòng một năm để hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo nâng cao sản lượng nông nghiệp
- Cấp 10 con trâu cày ruộng để tăng năng suất trồng lúa
- Phục hồi những vùng đất canh tác bằng máy kéo để có thể trồng lúa gạo tại những nơi trước kia là đồi trọc
- Mua máy kéo từ quỹ phát triển cộng đồng theo yêu cầu của người dân
- Trồng cây cacao thay thế các loại cây khác để tạo thu nhập
- Đào tạo nâng cao kỹ thuật chăn nuôi
- Cung cấp chó bảo vệ đàn gia súc khỏi động vật săn mồi
- Khoan giếng cấp nước cho trang trại

Doanh nghiệp thay thế

- Tìm kiếm người thu mua hạt bán cho các công ty sản xuất nước hoa tại Thụy Sĩ

Hỗ trợ quyền sử dụng đất

- Hỗ trợ kỹ thuật để đăng ký thành lập khu bảo tồn, bao gồm cả tư vấn luật pháp để giải quyết những vấn đề liên quan đến xâm lấn đất đai
- Hỗ trợ hợp thức hoá quyền của cộng đồng được sử dụng trang trại theo kế hoạch cải cách đất đai

Đền bù tài chính, cung cấp tiền mặt cho quỹ phát triển cộng đồng

- Quỹ phát triển cộng đồng có mục đích giúp đỡ, hỗ trợ các hộ nghèo, các cuộc họp của địa phương, bảo dưỡng máy cày và cấp cứu bệnh nhân. Quỹ này được lấy từ chi phí quản lý mà CI trả cho hội đồng để quản lý các đội tuần tra và giám sát việc tuân thủ thỏa thuận
- Quỹ phát triển cộng đồng giúp đỡ những gia đình nghèo nhất, những gia đình không được nhận trâu hoặc không có lương đi tuần tra

- Cơ chế đền bù, bao gồm cung cấp các quỹ đền bù do các hội đồng người dân thành lập với mức 5 USD/năm/ha rừng
- Tiền bù cho việc bán thịt để duy trì đàn gia súc trong giới hạn (theo ngưỡng diện tích đất đai). Nhưng dự án cho rằng đây chỉ nên sử dụng như biện pháp cuối cùng
- Tài trợ từ các đối tác doanh nghiệp tư nhân cho Quỹ phát triển cộng đồng nhằm đảm bảo cung cấp lợi ích lâu dài

Phát triển du lịch sinh thái

- Tài trợ cho kế hoạch phát triển du lịch sinh thái tổng hợp

Tiền lương cho tuần tra và giám sát

- Tiền lương cho các hoạt động tuần tra (5 đô-la/ngày/người và trang thiết bị): Các thành viên trong cộng đồng lần lượt đi tuần để có thể đảm bảo việc phân bổ những lợi ích thu nhập công bằng trong toàn cộng đồng
- Thiết bị, đào tạo và lương cho kiểm lâm làm việc cùng người dân đi tuần tra
- Đào tạo giám sát đa dạng sinh học, lương và thiết bị cho công tác giám sát

Lập kế hoạch quản lý tài nguyên

- Hỗ trợ việc lập kế hoạch cho bảo vệ và quản lý tài nguyên
- Hỗ trợ xây dựng kế hoạch tuần tra cộng đồng tại địa phương và quy chế

Truyền thông

- Thiết lập một cơ chế hợp tác và trao đổi thông tin giữa cộng đồng và các tổ chức cung cấp tài chính cho khu bảo tồn

Bảng 6: Ví dụ về hình phạt trong thỏa thuận năm 2006 tại Chumnoab (Campuchia)

Vi phạm	Xử phạt
1 tới 2 gia đình có trâu vi phạm thỏa thuận	Những gia đình này không được tiếp tục nhận trâu và xã đó nhận được cảnh báo năm sau sẽ cắt đi 50% gói lợi ích
3 hoặc nhiều hơn 3 gia đình có trâu vi phạm thỏa thuận	Những gia đình này không được tiếp tục nhận trâu và xã đó bị giảm đi 50% gói lợi ích
1 tới 2 gia đình không có trâu vi phạm thỏa thuận	Những gia đình này sẽ ở cuối danh sách được nhận trâu và xã đó nhận được cảnh báo năm sau sẽ cắt đi 50% gói lợi ích
3 hoặc nhiều hơn 3 gia đình không có trâu vi phạm thỏa thuận	Những gia đình này sẽ ở cuối danh sách nhận trâu và xã đó bị giảm đi 50% gói lợi ích vào năm tiếp theo.

Bước 3b: Các đánh giá bổ sung do bên thực hiện tiến hành

Có thể cần tiến hành đánh giá bổ sung trước khi chính thức ký kết thỏa thuận. Những đánh giá này có thể bao gồm:

1. Nâng cao năng lực

Một khi các cam kết đã được thống nhất, cần có đánh giá năng lực của bên thực hiện dự án và các đối tác địa phương để xác định xem có cần tăng cường nữa hay không. Có thể cần có các năng lực như:

- Triển khai các hành động bảo tồn (Ví dụ: xác định kế hoạch quản lý, tuần tra và thực thi pháp luật, quản lý thiết bị, v.v.)
- Triển khai các giải pháp kinh tế (Ví dụ: điều phối hoạt động khuyến nông, xây dựng cơ sở hạ tầng, cung cấp dịch vụ giáo dục, v.v.)
- Quản lý tài chính (Ví dụ: lập ngân sách, kế toán, báo cáo...)

2. Dự toán lại chi phí toàn bộ dự án

Ở giai đoạn này bên thực hiện phải dự toán lại chi phí và xem xét khả năng có đáp ứng được hay không. Chi phí thường bao gồm:

- Lợi ích (bao gồm các biện pháp khuyến khích và chi phí quản lý)
- Xây dựng năng lực
- Nâng cao nhận thức về những lợi ích từ việc bảo tồn
- Hỗ trợ kỹ thuật từ cán bộ phát triển và bảo tồn (thời gian, hậu cần, thiết bị, v.v.)
- Giám sát kết quả bảo tồn
- Bảo dưỡng và thay thế thiết bị định kỳ (bộ đàm, thiết bị GPS, ống nhòm, v.v.)

Những kết quả quan trọng của giai đoạn này bao gồm:

- Thỏa thuận được ký kết và kế hoạch triển khai
- Kế hoạch xây dựng năng lực để giúp bên sử dụng tài nguyên có thể tuân thủ các cam kết trong thỏa thuận
- Dự toán cuối cùng về chi phí của thỏa thuận

Bên thực hiện dự án và các đối tác nên tổ chức một buổi lễ để ký kết thỏa thuận. Đây là cách để xây dựng niềm tự hào và nhận thức giữa những người sử dụng tài nguyên. Khách mời danh dự và các quan chức địa phương sẽ làm cho buổi lễ thêm phần long trọng, tăng cường tính hợp pháp, củng cố cam kết.

2.4. Giai đoạn 4: Triển khai

Khi thỏa thuận đã được ký kết, giai đoạn triển khai bắt đầu. Nhiệm vụ của bên thực hiện dự án tập trung vào thực hiện những cam kết và giúp đỡ bên sử dụng tài nguyên địa phương thực hiện những cam kết của họ. Mục này mô tả hai loại hình cần phải chú ý trong bất cứ trường hợp nào: Đầu tiên là trách nhiệm của bên thực hiện dự án, chuyển từ những hoạt động hàng ngày sang cam kết định kỳ. Thứ hai là danh sách những lưu ý chung để đảm bảo cho việc triển khai hiệu quả những hoạt động bảo tồn và phân phối lợi ích.

4a. Các hoạt động triển khai ban đầu

Mục này miêu tả những bước triển khai cơ bản, được sắp xếp theo trình tự thời gian.

1. Ở giai đoạn đầu triển khai:

- Bên thực hiện dự án nên thuê những người có đủ năng lực và sự tận tâm để tiến hành các hoạt động nâng cao năng lực, thúc đẩy đối tác thực hiện cam kết.
- Đảm bảo tất cả các bên tham gia thỏa thuận có được những quyền lợi và nghĩa vụ rõ ràng (Ví dụ: Cán bộ kiểm lâm có trách nhiệm thực hiện số chuyến đi tuần cụ thể, những người lãnh đạo cộng đồng phải có mặt khi có hoạt động hỗ trợ kỹ thuật).
- Đảm bảo có một người có trách nhiệm giám sát thỏa thuận từ phía bên thực hiện dự án. Người này có thể là lãnh đạo của nhóm thương lượng.

- Nếu có thể, nên xác định ra một “người nổi bật” trong cộng đồng. Người này có thể đóng vai trò liên lạc và là người xây dựng sự đồng lòng nhất trí giữa các nhóm trong cộng đồng.
 - Thu thập thông tin cơ sở. Nếu trong giai đoạn thiết kế, những thông tin về các chỉ số sinh học và kinh tế xã hội không được thu thập thì thông tin đó phải được thu thập trước khi việc triển khai thỏa thuận bắt đầu.
 - Xác định những phương thức giám sát đa dạng sinh học và kinh tế xã hội, xác định ai sẽ chịu trách nhiệm triển khai công tác giám sát.
2. Giai đoạn từ tháng thứ nhất tới tháng thứ 6:
- Xác định ranh giới và cấm mốc: Nếu như đây là một dự án được tính theo diện tích, bắt đầu quá trình phân ranh giới bằng phương pháp phù hợp với địa bàn (Ví dụ: dọn dẹp thảm thực vật, trồng một loại cây cụ thể, biển chỉ giới, hàng rào, v.v.). Đối với thỏa thuận về bảo tồn loài, nên đặt biển báo để người dân biết quy định cấm liên quan.
 - Cung cấp thông tin: Nhóm cam kết và các đại diện của những người sử dụng tài nguyên phải đảm bảo rằng tất cả mọi thành viên đều biết nội dung thỏa thuận cũng như những cam kết, vai trò và trách nhiệm liên quan.
3. Giai đoạn từ tháng thứ 6 tới tháng 12
- Đánh giá tiến độ có sự tham gia: Trong thời gian đầu của quá trình triển khai, những người thực hiện và đối tác phải thảo luận với nhau về những gì đã làm tốt cũng như những gì cần phải cải thiện. Điều này sẽ giúp cho việc xác định và giải quyết những vấn đề trước khi chúng trở nên quá phức tạp trong khi vẫn xây dựng được lòng tin và sự hỗ trợ từ địa phương.
 - Nếu như thỏa thuận đi đúng hướng, bên thực hiện dự án nên bắt đầu phát triển một chiến lược để gây quỹ lâu dài và chuẩn bị cho việc đàm phán lại.

4. Kết thúc năm đầu tiên và các năm sau đó

Giám sát: Hệ thống giám sát càng tốn ít chi phí càng tốt nhưng nó phải cung cấp được những thông tin định lượng cần thiết để có thể tiếp cận được ba tập hợp chỉ số quan trọng: kết quả của việc bảo tồn, những xu hướng kinh tế xã hội, và sự tuân thủ thỏa thuận. Những chỉ số khác sẽ được đưa vào khi cần thiết (Ví dụ: sử dụng những lợi ích, truyền thông và nhận thức, v.v.).

Bước 4b: Những lưu ý chung để triển khai dự án hiệu quả

Phần này mô tả những hoạt động cần phải thực hiện trong quá trình triển khai thỏa thuận bảo tồn. Chúng chủ yếu liên quan tới việc đo lường tiến độ bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao chất lượng cuộc sống và sự tuân thủ thỏa thuận. Kết quả của những hoạt động này sẽ cho phép thiết kế lại thỏa thuận nhằm đảm bảo việc bảo tồn một cách hiệu quả trong khi người dân vẫn hài lòng với những lợi ích nhận được. Những hoạt động này là cần thiết và nên được tiến hành thường xuyên.

1. Giám sát đa dạng sinh học:

Những chỉ số và phương thức giám sát đa dạng sinh học đã được xác định trong giai đoạn triển khai ban đầu. Những phương thức nên được thiết kế sao cho theo kịp những mục tiêu có tính đến yếu tố thời vụ khi thích hợp. Sự tham gia của bên thứ ba vào quá trình giám sát là cần thiết cho việc đảm bảo tính khách quan của số liệu thu thập được cũng như phân tích tiến độ so với những kết quả bảo tồn dự kiến. Ngoài ra, khi bên sử dụng tài nguyên tham gia giám sát đa dạng sinh học, bản thân thỏa thuận sẽ được lợi ít nhất là theo ba cách:

- Cơ hội việc làm – là lợi ích thêm ngoài các lợi ích có trong thỏa thuận
- Tiết kiệm chi phí thu thập số liệu theo năm hay theo mùa và

- Người dân được tăng cường kiến thức, năng lực và lòng tự hào, có thể giúp cho việc củng cố thỏa thuận và làm vững chắc thêm những cam kết bảo tồn.

Đối với thỏa thuận về bảo tồn loài, giám sát đa dạng sinh học tập trung vào mức độ phong phú được tính toán trực tiếp thông qua ô tiêu chuẩn. Đối với các khu bảo tồn, việc giám sát tập trung vào số lượng và chất lượng của môi trường sống. Việc thu thập số liệu khác nhau theo từng trường hợp nhưng có thể bao gồm chụp ảnh vệ tinh, chụp ảnh từ máy bay, kiểm tra chất lượng nước, giám sát của bên thứ ba ở các điểm khai thác tài nguyên chính, v.v.

2. Đo lường thay đổi điều kiện kinh tế xã hội của người sử dụng tài nguyên:

Tương tự như kết quả bảo tồn, các chỉ số, phương thức giám sát kinh tế xã hội đã được xác định trong giai đoạn triển khai ban đầu. Theo dõi những thay đổi về kinh tế- xã hội sẽ làm rõ được tác dụng của thỏa thuận đối với sự phát triển cũng như những thay đổi trong cách nhìn của bên sử dụng tài nguyên về bảo tồn và thỏa thuận. Sự tham gia của bên thứ ba là cần thiết cho việc đảm bảo tính khách quan của việc thu thập số liệu và sự minh bạch trong báo cáo. Có thể giám sát thông qua các khu vực mẫu có kiểm soát hoặc sử dụng số liệu thống kê trong vùng (phụ thuộc vào chất lượng và khả năng sẵn có) nhằm tách riêng những tác động của thỏa thuận lên cuộc sống người dân. Chi phí thu thập thông tin, thường được trả cho những khảo sát tại hộ gia đình và thảo luận nhóm tập trung, có thể được giảm xuống bằng cách thuê sinh viên thực hiện phần lấy số liệu. Dưới đây là những chỉ số cần quan tâm khi giám sát những thay đổi về kinh tế xã hội:

- Nhận thức/ hiểu biết về thỏa thuận (luật lệ, lợi ích và thời gian thực hiện, v.v.)
- Mức độ hài lòng đối với thỏa thuận
- Nhận thức và thái độ đối với công tác bảo tồn
- Nhận thức của cộng đồng về những thay đổi do thỏa thuận tạo ra
- Hiệu quả của những lợi ích từ thỏa thuận (Ví dụ: sản lượng gạo tăng lên nhờ đầu tư vào công tác khuyến nông)
- Những thay đổi kinh tế xã hội rộng lớn (thu nhập, giáo dục, y tế, v.v.)
- Hiệu quả của các quy trình và tổ chức ra quyết định (Ví dụ: tính minh bạch, sự tham gia, v.v.)

3. Đánh giá sự tuân thủ thỏa thuận:

Như đã được đề cập ở trên, giám sát các chỉ số tuân thủ là cần thiết cho hiệu quả bảo tồn của thỏa thuận. Những chỉ số này bao gồm:

- Cam kết bảo tồn, có liên quan tới cả áp lực (Ví dụ: không đốn gỗ, không đặt bẫy...) và những hoạt động quản lý, bảo tồn (tuần tra, tái trồng rừng, v.v.)
- Quản lý thỏa thuận (Ví dụ: sử dụng hợp lý nguồn quỹ, kiểm toán, báo cáo những hoạt động bảo tồn)
- Truyền thông và cung cấp thông tin (Ví dụ: nhận thức, hiểu biết và mức độ hài lòng có liên quan tới thỏa thuận)

Cuối cùng, năm triển khai kết thúc bằng việc hồi đáp những thông tin giám sát trong quá trình tái đàm phán (phục vụ cho ký kết lại một thỏa thuận ngắn hạn hay củng cố lại thỏa thuận dài hạn nếu thấy cần thiết), củng cố chiến lược cho việc quản lý bảo tồn, phân bổ lợi ích và truyền thông.

Khi dự án tiến triển, bên thực hiện dự án ngày càng ít phải tham gia các hoạt động quản lý hàng ngày. Các thủ tục thường xuyên về phân phối lợi ích, giám sát thực hiện, v.v. cũng sẽ hoàn thiện dần. Lúc đó, bên thực hiện dự án chỉ cần thực hiện các phương thức quản lý đã được thiết lập sẵn hơn là phải triển khai hoạt động thường xuyên. Tuy nhiên, bên thực hiện vẫn phải tiếp tục đảm bảo có cơ chế xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai,

những bất bình của người dân và những đe dọa mới xuất hiện ảnh hưởng tới tính bền vững của thỏa thuận.

2.5. Giai đoạn 5: Tiến tới sự bền vững

Một yêu cầu cơ bản để đạt được một thỏa thuận bền vững là hiệu quả trong việc triển khai ban đầu và những kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả cho những năm tiếp theo. Phụ thuộc vào từng dự án, các bước tiến tới sự bền vững có thể nhanh chậm tùy theo. Phần này mô tả một vài những bước đó.

Bước 5a: Đàm phán và thiết kế một thỏa thuận lâu dài

Nếu như thỏa thuận ban đầu được giành cho giai đoạn thử nghiệm và cả hai bên đều hài lòng với nó thì hai bên có thể tiếp tục đàm phán thỏa thuận lâu dài. Thông thường, cam kết xét tới bối cảnh pháp lý của khu vực được bảo vệ và cam kết cung cấp những lợi ích lâu dài từ phía thực hiện dự án. Ngoài những điều đã có trong thỏa thuận ở giai đoạn thử nghiệm, những cam kết lâu dài nên bao gồm:

1. Tầm nhìn phát triển: Phức tạp hơn, thỏa thuận lâu dài sẽ có giá trị hơn khi hỗ trợ những người sử dụng tài nguyên tạo ra một viễn cảnh phát triển lâu dài, hướng dẫn việc thiết kế và đầu tư vào gói lợi ích.
2. Kế hoạch quản lý: Trong trường hợp thỏa thuận lâu dài, cần phát triển kế hoạch quản lý rõ ràng hướng dẫn việc sử dụng tài nguyên và sinh cảnh cũng như phản ứng lại những đe dọa tới đa dạng sinh học. Kế hoạch này nên chú ý tới quyền, văn hoá và kỹ năng của đối tác và nên được phát triển với sự tham gia của những người sở hữu tài nguyên và những người có liên quan khác (chính quyền, các cơ quan công quyền, những cộng đồng xung quanh, chuyên gia).
3. Khung giám sát dài hạn: Dựa vào những phương thức giám sát đã được xác định trong giai đoạn thử nghiệm, phát triển một khung giám sát tiết kiệm chi phí có thể áp dụng cho giai đoạn lâu dài.
4. Nguồn tài chính dài hạn: Khi cam kết một thỏa thuận dài hạn, bên thực hiện dự án phải thiết kế chiến lược tài chính dài hạn đủ trang trải cho hoạt động cũng như tránh được việc phát sinh chi phí cơ hội.

Bước 5b: Tài chính bền vững

Mặc dù những chi phí hàng năm có thể giảm xuống khi các hoạt động khởi động, thiết kế, xây dựng năng lực kết thúc, hầu hết thỏa thuận đòi hỏi nguồn tài chính bền vững lâu dài cho việc quản lý bảo tồn, giám sát và phân phối lợi ích. Một số các lựa chọn để đảm bảo nguồn tài chính bền vững được liệt kê dưới đây. Do có ít những ví dụ về việc thực hiện những lựa chọn này trong thực tế nên bên thực hiện dự án cần sáng tạo trong xây dựng thêm cơ hội, đáp ứng được nhu cầu đặt ra.

- Tạo quỹ ủy thác đảm bảo các chi phí của thỏa thuận có thể được trang trải bằng tiền lãi phát sinh từ nguồn vốn ủy thác. Đây là lựa chọn ổn định nhất.
- Khai thác tiền từ nguồn chi trả các dịch vụ sinh thái
- Thuyết phục doanh nghiệp đền bù thiệt hại môi trường do họ gây ra
- Tìm kiếm một loại sản phẩm do người sử dụng tài nguyên sản xuất ra và bán cho các công ty sẵn sàng trả “chi phí xanh” để mua nhưng phải đảm bảo điều đó phù hợp với thỏa thuận.
- Giúp cộng đồng phát triển và tiếp thị một loại sản phẩm cung cấp được những lợi ích lâu dài nhưng bên thực hiện dự án phải quản lý được một phần trong chuỗi tiếp thị sản phẩm để đảm bảo những lợi ích thu được phù hợp với thỏa thuận.

- Cung cấp hỗ trợ ứng trước để tạo thêm thu nhập và lấy thu nhập đó trả cho những chi phí của thỏa thuận.

Bước 5c: Những biện pháp phụ để tăng cường tính bền vững của thỏa thuận

Khi thiết kế chiến lược bền vững cho thỏa thuận, bên thực hiện phải chú ý tới những yếu tố phụ có thể khuyến khích hoặc thúc đẩy sự tham gia của những người sử dụng tài nguyên vào thỏa thuận.

1. Tối đa hóa thu nhập và công ăn việc làm từ thỏa thuận

- Những công việc phát sinh từ thỏa thuận và/hoặc phụ thuộc vào nguồn tài nguyên được bảo tồn (ví dụ: kiểm lâm, nghiên cứu sinh học, hướng dẫn viên, ...).
- Những cơ hội thu nhập có liên quan tới thỏa thuận bảo tồn, đặc biệt là những cơ hội phát sinh từ nguồn tài nguyên được bảo tồn (những sản phẩm phi gỗ, du lịch sinh thái)

2. Thúc đẩy việc thừa nhận những lợi ích của thỏa thuận

- Những giá trị tài chính và hiện vật của lợi ích
- Tiếp cận với một luồng lợi ích tin tưởng, không phụ thuộc vào thị trường bên ngoài.
- Tiếp cận với hỗ trợ kỹ thuật, các dịch vụ công thông qua mối quan hệ với bên thực hiện dự án và các đối tác khác.

3. Khuyến khích việc ghi nhận những lợi ích trực tiếp và gián tiếp từ việc bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên

- Những dịch vụ sinh thái từ những nguồn tài nguyên được bảo tồn.
- Tránh những tác động xã hội tiêu cực thường gây ra việc phá hủy các nguồn tài nguyên (ví dụ: mất đi các giá trị truyền thống, lây lan dịch bệnh, v.v.)
- Bảo vệ những giá trị văn hoá và tín ngưỡng có liên quan đến nguồn gốc tài nguyên.

4. Quảng bá bảo tồn đa dạng sinh học như một giá trị xã hội (Ví dụ: xây dựng lòng tự hào).